

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 104/2023/HNGĐ-ST.

Ngày: 29-9-2023.

“V/v Ly hôn giữa chị Nguyễn Thị
Mỹ H và anh Phạm Hữu Đ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Mỹ Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Chung Thị Thu Nguyệt.

2. Ông Nguyễn Văn Thế.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Diễm Quỳnh - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Ông Lê Minh Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở của Tòa án nhân dân huyện L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 92/2023/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 4 năm 2023, về “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 223/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 11 tháng 9 năm 2023, và Quyết định hoãn phiên tòa số 184/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 21 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1978; Địa chỉ: Số 506 ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; Chị H vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ H: Ông Bùi Văn P là Luật sư Văn phòng Luật sư T thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp. Ông P vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- **Bị đơn:** Anh Phạm Hữu Đ, sinh năm 1974; Địa chỉ: Số 92A ấp Q, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; Địa chỉ liên hệ: Số 184 ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Anh Đ vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn anh Phạm Hữu Đ: Ông Nguyễn Văn L là Luật sư Công ty Luật TNHH MTV T thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp. Ông L vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/02/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ H trình bày:

Chị H và anh Phạm Hữu Đ quen biết tìm hiểu qua mai mối, được hai bên gia đình tổ chức Lễ cưới, tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng, đến ngày 20/4/1999 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do anh Đ không lo làm ăn tạo dựng kinh tế gia đình mà thường xuyên ăn chơi, cờ bạc. Anh Đ bỏ mặc, không quan tâm chăm sóc vợ con. Chị H đã khuyên ngăn, nhưng anh Đ vẫn không sửa đổi, năm 2005 chị H phải bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống. Thời gian sau đó, anh Đ có tới lui thăm nom và ở lại nhà vợ, nhưng vẫn không sửa đổi tật xấu, làm cho mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng. Đến năm 2008, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng đến mức chị H và anh Đ không còn duy trì sinh hoạt vợ chồng. Từ tháng 11/2022 đến nay, anh Đ rời khỏi nhà cha mẹ vợ ra sống riêng.

Quá trình sống chung chị H và anh Đ không có 01 (một) con chung tên Phạm Nguyễn Hồng D, sinh năm 1998, hiện cháu D đã thành niên có khả năng lao động.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ H cho rằng chị H không còn tình cảm với anh Phạm Hữu Đ, nên chị H yêu cầu ly hôn với anh Đ; Về con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết; Về tài sản chung, về nợ chung, chị H không yêu cầu giải quyết. Nguyên đơn là chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị H cũng có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Phạm Hữu Đ trình bày: Anh Đ thống nhất lời trình bày của chị H về thời gian chung sống như vợ chồng, thời điểm đăng ký kết hôn, về con chung. Anh Đ cũng thống nhất hiện cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, tình cảm không thể hàn gắn được nên đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H. Anh Đ đưa yêu cầu phản tố về chia tài sản chung, anh Đ yêu cầu chia đôi tài sản chung của vợ chồng là quyền sử dụng đất đối với diện tích 746,5m² đất thuộc thửa số 23 tờ bản đồ 11, đất tọa lạc tại xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp do hộ chị Nguyễn Thị Mỹ H đứng tên quyền sử dụng.

Đến ngày 27/7/2023, bị đơn là anh Đ đã tự nguyện rút yêu cầu phản tố về chia tài sản chung như trên theo nội dung đơn rút đơn khởi kiện của anh Đ đề ngày 27/7/2023. Bị đơn là anh Phạm Hữu Đ đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên

tòa xét xử sơ thẩm vụ án nhưng vắng mặt không rõ lý do. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Đ cũng có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ các quy định về thụ lý, giải quyết vụ án; tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đều thực hiện đúng các quy định về xét xử sơ thẩm của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng nguyên đơn thực hiện đầy đủ bị đơn thực hiện chưa đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Căn cứ nội dung vụ án và diễn biến tranh tụng tại phiên tòa, xác định cuộc sống hôn nhân giữa chị H và anh Đ đã mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn được, vợ chồng sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị H. Về hôn nhân: Cho chị H được ly hôn với anh Phạm Hữu Đ; Về con chung: Các con chung đã trưởng thành, không xem xét; Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Việc chị Nguyễn Thị Mỹ H xin ly hôn anh Phạm Hữu Đ là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa chị H và anh Đ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Do anh Đ có địa chỉ thường trú tại huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Nên Tòa án nhân dân huyện L thụ lý và giải quyết vụ án là đúng quy định tại Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với chị H là nguyên đơn, anh Đ là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng chị H có đơn xin xét xử vắng mặt và anh Đ vắng mặt không rõ lý do. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị H và anh Đ theo thủ tục xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng là phù hợp với quy định tại các Điều 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thụ lý yêu cầu phán tố về việc chia tài sản chung khi ly hôn theo đơn phản tố của bị đơn là anh Phạm Hữu Đ, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án anh Đ có đơn xin rút lại yêu cầu phản tố về chia tài sản chung khi ly hôn với chị H. Xét thấy việc rút lại yêu cầu phản tố của anh Đ là hoàn toàn tự nguyện, chị H cũng không yêu cầu Tòa án chia tài sản chung

khi ly hôn, nên Tòa án đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố về việc chia tài sản chung khi ly hôn của bị đơn là phù hợp với nguyên tắc đương sự có quyền quyết định và tự định đoạt và quy định tại Khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân:

Việc chị Nguyễn Thị Mỹ H và anh Phạm Hữu Đ đăng ký kết hôn vào ngày 04/7/2002 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp có Giấy chứng nhận kết hôn số 27 của Ủy ban nhân dân xã B là chứng cứ chứng minh. Vì thế, có đủ cơ sở để xác định việc đăng ký kết hôn của chị H và anh Đ đã đảm bảo các điều kiện kết hôn và tuân thủ quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình tại thời điểm đăng ký kết hôn, nên được Tòa án công nhận là vợ chồng hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định về tình nghĩa vợ chồng:

“1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.”

Tuy nhiên, sau khi cưới chị H và anh Đ sống chung hạnh phúc một thời gian thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do chị H và anh Đ không hiểu nhau, chị H cho rằng anh Đ không chăm lo kinh tế gia đình, cuộc sống vợ con. Chị H đã nhiều lần cho anh Đ cơ hội hàn gắn tình cảm, nhưng anh Đ và chị H cũng không thể hàn gắn được. Nay do không còn tình cảm với anh Đ nên chị H đã thực hiện quyền yêu cầu ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân gia đình. Anh Đ cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H.

Từ đó, xác định chị H và anh Đ đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Từ những nhận định nêu trên đã đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ H để cho vợ chồng chị H và anh Đ ly hôn là phù hợp với quy tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Chị H và anh Đ thống nhất có một con chung đã thành niên có khả năng lao động và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về chia tài sản: Do anh Phạm Hữu Đ tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu phản tố về việc chia tài sản chung khi ly hôn và chị Nguyễn Thị Mỹ H cũng không yêu

cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố về việc chia tài sản chung khi ly hôn của bị đơn và không xem xét.

[5] Về nợ chung: Do chị Nguyễn Thị Mỹ H và anh Phạm Hữu Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Xét lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp quy định pháp luật nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mỹ H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình đối với yêu cầu ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Do đình chỉ xét xử về yêu cầu về chia tài sản chung khi ly hôn của anh Phạm Hữu Đ, nên anh Đức và chị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu chia tài sản chung.

[8] Về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo thực hiện theo quy định tại các điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 19, 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Các điều 28, 35, 39, 91, 96, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 244, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Mỹ H và anh Phạm Hữu Đ.

2. Về nuôi con chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về chia tài sản: Đình chỉ xét xử yêu cầu phản tố của bị đơn Phạm Hữu Đức về việc yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn. Tòa án không xem xét giải quyết về chia tài sản chung.

4. Về nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Mỹ H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số **0016551** ngày **06 tháng 4 năm 2023** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Chị H đã nộp đủ.

Anh Phạm Hữu Đức không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho anh Đức số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.875.000 đồng (*Một triệu, tám trăm, bảy mươi lăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số **0016654** ngày **19 tháng 5 năm 2023** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

Chị Nguyễn Thị Mỹ H và anh Phạm Hữu Đ có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện L;
- CC.THADS huyện L;
- UBND xã B;
- (GCNKH số 27 ngày 04/7/2002)
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hà Thị Mỹ Xuân